

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.

Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1085/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Xuân T, sinh năm: 1972.

- Bị đơn: Anh Trần Tuấn V, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Tuấn V tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mỗi khi anh say rượu thường có những lời lẽ xúc phạm nhân cách của chị, chị đã nói nhiều lần nhưng anh không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 15/9/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/12/2022, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Tại biên bản làm việc ngày 13/12/2022, bị đơn anh Trần Tuấn V trình bày:

Anh và chị T chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn thường ngày không đến mức để chị T nộp đơn xin ly hôn với anh và anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn .

Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 15/9/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đồng thời, vì bận công việc nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị T được ly hôn với anh V. Về con chung: Đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đang sự trình không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị Xuân T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Tuấn V, sinh năm: 1974, địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị T nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị T và anh V xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã Quảng Tiến, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94 ngày 16/9/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh V và anh chị đã không quan tâm đến nhau 02 năm nay, chị đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn, nay chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh V. Anh V không đồng ý ly hôn, nhưng quá trình giải quyết vụ án anh không đến Tòa để làm việc hay tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị T và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh V là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 15/9/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Xuân T về việc “Ly hôn” với anh Trần Tuấn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Xuân T được ly hôn với anh Trần Tuấn V.

2. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001916 ngày 01/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Phạm Thị Xuân T đã nộp đủ án phí.

4. Chị Phạm Thị Xuân T, anh Trần Tuấn V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đường sự;
- UBND xã Q.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương